

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: bà Trần Thị Nhung Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Nhung Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Nhung Q thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thục K, sinh ngày 01/5/2015. Ông bà thoả thuận sau ly hôn giao bà Q trực tiếp nuôi con Nguyễn Thục K, ông C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng với bà Q mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) kể từ tháng 4/2023 cho đến khi con Nguyễn Thục K tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung:

+ Giao ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất và công sức vợ chồng đóng góp tu sửa vào ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 258, tờ bản đồ số 47, diện tích 799,9m² tại thôn X, xã S (nay là tổ dân phố X, thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CĐ 001545 cấp ngày 05/8/2016, mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Nhung Q. Tổng trị giá là 1.309.700.000 đồng (*Một tỷ ba trăm linh chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm giao cho bà Trần Thị Nhung Q số tiền chênh lệch chia tài sản là 344.932.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Tổng trị giá tài sản ông Nguyễn Văn C được hưởng là 964.768.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

+ Bà Trần Thị Nhung Q được quyền sử dụng:

1. Thửa đất số 968, tờ bản đồ số 53, diện tích 772m² tại Đ, xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 629652 cấp ngày 16/10/2018, mang tên ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Nhung Q. Trị giá 162.120.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*);

2. Thửa đất số 969, tờ bản đồ số 53, diện tích 566,2m² tại Đ, xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 629651 cấp ngày 16/10/2018, mang tên ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Nhung Q; có trị giá 118.860.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*);

3. Thửa đất số 970, tờ bản đồ số 53, diện tích 363,6m² tại Đ, xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 629650 cấp ngày 16/10/2018, mang tên ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Nhung Q. Trị giá 76.356.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*);

4. Thửa đất số 501, tờ bản đồ số 54, diện tích 414,7m² tại Đ, xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 629653 cấp ngày 16/10/2018, mang tên ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Nhung Q. Trị giá 87.087.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Bà Trần Thị Nhung Q được nhận số tiền chênh lệch chia tài sản từ ông Nguyễn Văn C là 344.932.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị Nhung Q được hưởng là: 789.355.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Về án phí vụ kiện:

+ Ông Nguyễn Văn C thỏa thuận chịu trách nhiệm nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002630 ngày 27 tháng 10 năm 2022, ông C đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông C phải nộp án phí chia tài sản chung là 20.471.520 đồng (*Hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Bà Trần Thị Nhung Q phải nộp án phí chia tài sản chung là 17.787.100 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn một trăm đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 32.312.000 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002683 ngày 17 tháng 01 năm 2023. Bà Trần Thị Nhung Q đã nộp đủ án phí chia tài sản chung và được nhận lại 14.524.900 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
 - VKSND huyện Bồ Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
 - Các đương sự;
 - UBND thị trấn P
- (GCNKH số 107/2014, ngày 10/10/2014);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu